

ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG VIỆC SỐ HÓA HỒ SƠ VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG

● NGUYỄN ĐÌNH NGỌC KHẢI

Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng

DOI: 10.62831/nckh.2026.373.v1

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích yêu cầu, thực trạng và giải pháp áp dụng công nghệ thông tin trong số hóa hồ sơ vụ án hình sự tại Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng. Kết quả bước đầu cho thấy, trong 3 tháng đầu năm 2026, đơn vị đã số hóa 30/35 hồ sơ truy tố, đạt 85,7%, vượt chỉ tiêu chung của Ngành. Từ thực tiễn này, bài viết đề xuất 3 nhóm giải pháp: (i) chuẩn hóa quy trình số hóa 8 bước; (ii) tổ chức trạm số hóa tập trung trên cơ sở tận dụng hạ tầng hiện có; (iii) thành lập Tổ công nghệ thông tin nòng cốt theo mô hình kiêm nhiệm. Các giải pháp này có giá trị tham khảo để nhân rộng trong các viện kiểm sát cấp khu vực, nhất là ở những địa bàn có điều kiện nhân lực, hạ tầng còn hạn chế.

Từ khóa: số hóa hồ sơ, vụ án hình sự, Viện kiểm sát, chuyển đổi số, công nghệ thông tin, Lâm Đồng.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang trở thành yêu cầu tất yếu trong hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung và ngành Kiểm sát nhân dân nói riêng. Trong bối cảnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và dữ liệu số ngày càng giữ vai trò trung tâm trong quản trị công, việc ứng dụng công nghệ thông tin không còn dừng lại ở sử dụng phần mềm văn phòng, gửi nhận văn bản điện tử hay họp trực tuyến, mà phải tiến tới hình thành phương thức làm việc dựa trên dữ liệu, bảo đảm khả năng kết nối, khai thác và kiểm soát an toàn thông tin.

Đối với hoạt động kiểm sát án hình sự, hồ sơ vụ án là nguồn dữ liệu trung tâm phản ánh toàn bộ tiến trình tố tụng, bao gồm tài liệu khởi tố, điều tra, truy tố, chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, tài liệu nhân

thân, kết luận giám định, bản ảnh, bản ghi âm, ghi hình và các văn bản nghiệp vụ khác. Nếu hồ sơ chỉ được lưu trữ, khai thác bằng phương thức giấy truyền thống, Kiểm sát viên phải mất nhiều thời gian tra cứu, đối chiếu bút lục, trích dẫn chứng cứ, chuyển giao hồ sơ, chuẩn bị báo cáo án hoặc trình chiếu tại phiên tòa. Phương thức này càng bộc lộ hạn chế khi số lượng vụ án tăng, tính chất vụ án phức tạp hơn và chứng cứ điện tử xuất hiện ngày càng phổ biến.

Tại Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng, chuyển đổi số được xác định là một trong những khâu công tác đột phá. Đơn vị đã triển khai nhiều phần mềm, hệ thống dùng chung của Ngành như hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử công vụ, phần mềm quản lý án hình sự, hệ thống báo cáo thống

kê, ứng dụng số hóa và sơ đồ tư duy. Tuy nhiên, việc số hóa hồ sơ vụ án hình sự vẫn gặp những khó khăn về quy chuẩn nghiệp vụ, trang thiết bị, nhân lực công nghệ thông tin và kỹ năng thao tác của công chức. Do đó, việc nghiên cứu mô hình số hóa hồ sơ vụ án hình sự tại đơn vị có ý nghĩa thực tiễn rõ rệt, vừa phục vụ nâng cao hiệu quả giải quyết án, vừa góp phần hoàn thiện phương thức quản lý hồ sơ trong điều kiện chuyển đổi số của ngành Kiểm sát.

Từ thực tiễn đó, bài viết tập trung làm rõ 3 vấn đề: nhận diện bản chất và lợi ích của số hóa hồ sơ vụ án hình sự; phân tích những khó khăn, điểm nghẽn trong quá trình áp dụng tại Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng; và đề xuất các giải pháp có khả năng triển khai, nhân rộng trong điều kiện hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính trên cơ sở kết hợp các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh và nghiên cứu trường hợp (case study). Cụ thể, tác giả tiến hành nghiên cứu các văn bản của Đảng, Nhà nước và ngành Kiểm sát nhân dân về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghiệp vụ; đồng thời tổng hợp, phân tích thực tiễn triển khai công tác số hóa hồ sơ vụ án hình sự tại Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng thông qua số liệu, báo cáo và kết quả thực hiện của đơn vị. Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi, khó khăn và các vấn đề đặt ra trong thực tiễn, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng công nghệ thông tin trong số hóa hồ sơ vụ án hình sự, góp phần phục vụ yêu cầu chuyển đổi số của ngành Kiểm sát nhân dân.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Khái quát về số hóa hồ sơ vụ án hình sự

Số hóa hồ sơ vụ án hình sự có thể được hiểu là quá trình chuyển đổi tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng từ dạng vật lý sang dữ liệu điện tử có cấu trúc, được sắp xếp, đặt tên, gắn chỉ mục, bảo mật và lưu trữ theo quy trình thống nhất. Cách hiểu này cho thấy, số hóa không đồng nhất với việc sao quét hình ảnh. Nếu chỉ scan hồ sơ thành các tệp PDF rời rạc, không có mục lục, không có chuẩn đặt tên, không có phân quyền truy cập và không bảo đảm khả năng tìm kiếm, thì hồ sơ số vẫn chỉ là bản sao điện tử của hồ sơ giấy, chưa tạo ra giá trị quản trị dữ liệu.

Một hồ sơ số có chất lượng phải đáp ứng tối thiểu 4 yêu cầu. Thứ nhất, bảo đảm tính đầy đủ và toàn vẹn so với hồ sơ giấy, không thiếu trang, mất góc, nhòe chữ hoặc sai thứ tự bút lục. Thứ hai, bảo đảm tính có cấu trúc, tức là tài liệu phải được phân nhóm, đặt tên, tạo mục lục, gắn bookmark hoặc hyperlink để người sử dụng tra cứu nhanh. Thứ ba, bảo đảm tính bảo mật, thông qua phân quyền truy cập, quản lý thiết bị lưu trữ, kiểm soát sao chép và sao lưu dự phòng. Thứ tư, bảo đảm khả năng khai thác nghiệp vụ, bao gồm phục vụ báo cáo án bằng sơ đồ tư duy, nhập dữ liệu trên nền tảng quản lý án hình sự, trình chiếu chứng cứ tại phiên tòa và hỗ trợ lãnh đạo viện kiểm tra, chỉ đạo giải quyết án.

Lợi ích trực tiếp của số hóa hồ sơ thể hiện ở việc rút ngắn thời gian tra cứu bút lục, giảm áp lực lưu trữ hồ sơ giấy, hạn chế nguy cơ thất lạc tài liệu, tiết kiệm chi phí in ấn, nâng cao hiệu quả phối hợp nội bộ và liên ngành. Khi hồ sơ được số hóa đúng chuẩn, Kiểm sát viên có thể truy cập tài liệu chỉ bằng thao tác tìm kiếm, so sánh các nhóm chứng cứ, trích xuất bút lục để báo cáo án, đồng thời chuẩn bị tốt hơn cho hoạt động xét hỏi, tranh luận và trình chiếu tại phiên tòa. Về lâu dài, số hóa hồ sơ còn là điều kiện nền tảng để xây dựng kho dữ liệu nghiệp vụ, hỗ trợ phân tích, thống kê, dự báo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động kiểm sát.

3.2. Thực trạng áp dụng tại Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng

Thực tiễn tại Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng cho thấy, công tác số hóa hồ sơ vụ án hình sự đã được quan tâm triển khai nhưng vẫn còn 4 nhóm khó khăn chủ yếu.

Thứ nhất, chưa có quy chuẩn thống nhất, chi tiết về số hóa hồ sơ vụ án hình sự. Trong thực tế, việc phân nhóm tài liệu, đặt tên file, sắp xếp bút lục, tạo mục lục điện tử và lưu trữ hồ sơ số còn phụ thuộc nhiều vào cách làm của từng Kiểm sát viên. Có hồ sơ được chia theo trình tự tố tụng, có hồ sơ chia theo nhóm chứng cứ, có hồ sơ lại chỉ scan thành nhiều tệp riêng lẻ. Sự thiếu thống nhất này làm cho lãnh đạo viện và người kiểm tra hồ sơ mất nhiều thời gian định vị tài liệu; đồng thời gây khó khăn khi trao đổi hồ sơ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Về mặt pháp lý, nếu hồ sơ số không được xác thực, không có cơ chế

chứng minh tính nguyên vẹn so với bản giấy, việc sử dụng tài liệu số tại phiên tòa có thể bị tranh luận về độ tin cậy.

Thứ hai, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị còn hạn chế. Để số hóa hồ sơ đúng chuẩn, đơn vị cần máy quét tốc độ cao, quét hai mặt, hạn chế kẹt giấy, bảo đảm độ phân giải phù hợp; đồng thời cần hệ thống lưu trữ tập trung, sao lưu dự phòng và bảo đảm an toàn thông tin. Tuy nhiên, tại đơn vị hiện chỉ có 4 máy có tính năng máy quét phục vụ công tác hình sự, trong đó có 2 máy chuyên dụng và 2 máy đa năng, trong khi có 22 công chức thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực hình sự. Việc dùng chung thiết bị, sao chép dữ liệu qua thiết bị lưu trữ chuyên dụng và thao tác trong môi trường mạng nội bộ khiến quá trình số hóa mất nhiều thời gian, nhất là đối với các vụ án có nhiều bút lục, ảnh, âm thanh, video hoặc tài liệu điện tử.

Thứ ba, trình độ công nghệ thông tin của đội ngũ thực hiện nhiệm vụ chưa đồng đều. Một bộ phận công chức trẻ tiếp cận nhanh với phần mềm và thiết bị số, trong khi một số Kiểm sát viên có nhiều kinh nghiệm nghiệp vụ lại gặp khó khăn với thao tác kỹ thuật như chuyển đổi định dạng, nén file, xử lý lỗi scan, tạo mục lục PDF hoặc quản lý dữ liệu số. Đặc thù hồ sơ hình sự đòi hỏi độ chính xác rất cao, bởi mỗi trang tài liệu, mỗi bút lục đều có giá trị chứng cứ. Chỉ một sai sót nhỏ trong số hóa như thiếu trang, đảo thứ tự, mất lề, mờ chữ hoặc nhầm file cũng có thể ảnh hưởng đến việc đánh giá chứng cứ và quá trình giải quyết vụ án.

Thứ tư, thiếu nhân sự chuyên trách công nghệ thông tin. Ở cấp khu vực, công tác này thường được giao cho Kiểm sát viên, Kiểm tra viên hoặc Chuyên viên kiêm nhiệm. Trong khi đó, số hóa hồ sơ hiện đại không chỉ đòi hỏi kỹ năng tin học văn phòng mà còn liên quan đến quản trị dữ liệu, an toàn thông tin, xử lý phần mềm, thiết bị quét, âm thanh, hình ảnh và video. Khi phát sinh sự cố kỹ thuật, đơn vị có thể phải chờ hỗ trợ từ cấp trên hoặc bên ngoài, dẫn đến gián đoạn công việc và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn dữ liệu.

Mặc dù còn khó khăn, kết quả thực hiện tại đơn vị cho thấy, hướng đi này có tính khả thi. Trong 3 tháng đầu năm 2026, Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng đã số hóa 30/35 hồ sơ truy tố, đạt 85,7%, vượt 10% so với chỉ tiêu chung của Ngành. Kết quả này cho thấy, số hóa hồ sơ đã chuyển từ hoạt động thí

điểm, làm mẫu sang quy trình thường xuyên trong giải quyết án hình sự. Dữ liệu hồ sơ sau khi số hóa được sử dụng để nhập án trên nền tảng quản lý án hình sự, phục vụ báo cáo án bằng sơ đồ tư duy, hỗ trợ lãnh đạo viện nắm bắt nhanh cấu trúc vụ án và chỉ đạo nghiệp vụ kịp thời.

3.3. Giải pháp hoàn thiện mô hình số hóa hồ sơ vụ án hình sự

Từ thực trạng nêu trên, có thể đề xuất 3 nhóm giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng công nghệ thông tin trong số hóa hồ sơ vụ án hình sự tại Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng.

Một là, chuẩn hóa quy trình số hóa hồ sơ theo 8 bước. Bước 1 là xác định mục tiêu và phân loại nhu cầu số hóa, làm rõ hồ sơ được số hóa để lưu trữ, báo cáo án, trình chiếu tại phiên tòa hay nhập dữ liệu trên nền tảng quản lý án hình sự. Bước 2 là chuẩn bị và sắp xếp tài liệu, đối chiếu danh mục bút lục, tháo ghim, làm phẳng giấy, sắp xếp theo trình tự tố tụng hoặc nhóm chứng cứ. Bước 3 là lựa chọn thiết bị, thông số kỹ thuật và định dạng phù hợp, ưu tiên PDF có khả năng tìm kiếm, độ phân giải khoảng 200-300 dpi, bảo đảm tài liệu ảnh màu, bản ảnh hiện trường, giám định hoặc dấu vết được giữ đúng trạng thái cần thiết. Bước 4 là tiến hành quét tài liệu, chú ý quét đủ hai mặt nếu có nội dung và đặt tên tạm thời theo số bút lục. Bước 5 là kiểm tra, hiệu chỉnh chất lượng, đối chiếu file số với hồ sơ giấy để phát hiện trang thiếu, trang ngược, trang nhòe hoặc mất lề. Bước 6 là xây dựng mục lục và chỉ mục số thông qua bookmark, hyperlink, nhãn tài liệu và cấu trúc thư mục. Bước 7 là xác thực hồ sơ số, gán trách nhiệm của Kiểm sát viên thụ lý trong việc xác nhận tính chính xác của bản số so với bản gốc, tiến tới sử dụng chữ ký số hoặc dấu số khi có điều kiện. Bước 8 là lưu trữ, phân quyền và bảo mật thông qua hệ thống lưu trữ tập trung, sao lưu dự phòng, phân quyền truy cập, kiểm soát tải xuống và sao chép.

Hai là, tổ chức trạm số hóa tập trung để tối ưu hóa thiết bị hiện có. Trong điều kiện chưa thể đầu tư đồng bộ hệ thống máy quét tốc độ cao cho từng Kiểm sát viên, giải pháp khả thi là bố trí thiết bị quét tại các phòng có nhiều Kiểm sát viên làm án hình sự, kết nối máy tính nghiệp vụ với máy quét qua thiết bị trung gian đã được kiểm tra bảo mật. Cách làm này giúp

giảm thời gian di chuyển hồ sơ, hạn chế thao tác sao chép qua nhiều thiết bị, tăng tính chủ động cho Kiểm sát viên và nâng cao hiệu suất sử dụng máy quét. Đối với hồ sơ đơn giản, ít bút lục, có thể sử dụng máy đa năng; đối với hồ sơ phức tạp, nhiều bút lục, có hình ảnh, âm thanh, video hoặc tài liệu cần độ chính xác cao, cần ưu tiên máy quét chuyên dụng. Khi có điều kiện, đơn vị có thể phát triển phòng máy chuyên phục vụ chuyển đổi số, kết hợp máy quét chuyên dụng, máy tính cấu hình cao, lưu trữ nội bộ và khu vực xử lý dữ liệu bảo mật.

Ba là, thành lập và vận hành Tổ công nghệ thông tin nòng cốt theo mô hình kiêm nhiệm. Tổ này nên gồm các công chức trẻ, có năng lực công nghệ thông tin, am hiểu nghiệp vụ cơ bản và được lãnh đạo viện phân công trực tiếp hỗ trợ chuyển đổi số. Vai trò của Tổ không phải làm thay Kiểm sát viên, mà là hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn quy trình, xử lý lỗi thông thường, kiểm tra chất lượng hồ sơ số, bảo đảm an toàn dữ liệu và lan tỏa kỹ năng số trong đơn vị. Cách đào tạo hiệu quả nhất là “cầm tay chỉ việc” trên hồ sơ thực tế, giúp người làm án nắm được thao tác cụ thể thay vì chỉ học lý thuyết. Tại Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng, Tổ công nghệ thông tin được thành lập với 5 thành viên, có 1 tổ trưởng và 1 lãnh đạo viện trực tiếp chỉ đạo. Mô hình này không làm phát sinh biên chế, tận dụng nguồn lực nội tại và tạo cơ chế kế thừa giữa kinh nghiệm nghiệp vụ của Kiểm sát viên lâu năm với năng lực công nghệ của đội ngũ trẻ.

Để bảo đảm tính bền vững, các giải pháp trên cần được triển khai đồng bộ với cơ chế kiểm tra, đánh giá chất lượng hồ sơ số. Mỗi hồ sơ số cần có tiêu chí nghiệm thu tối thiểu về số lượng bút lục, chất lượng hình ảnh, cấu trúc thư mục, chỉ mục điện tử, khả năng tìm kiếm, quyền truy cập và phương án sao lưu. Lãnh đạo viện cần đưa số hóa hồ sơ thành yêu cầu thường xuyên trong quy trình giải quyết án, gắn với trách nhiệm của Kiểm sát viên thụ lý và trách nhiệm hỗ trợ của Tổ công nghệ thông tin. Đồng thời, cần thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm những lỗi phát sinh trong thực tế để hoàn thiện quy trình và chia sẻ cách làm hay giữa các bộ phận.

3.4. Khả năng nhân rộng và giá trị thực tiễn

Mô hình số hóa hồ sơ vụ án hình sự tại Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng có khả năng

nhân rộng trước hết trong phạm vi tỉnh Lâm Đồng. Sau sáp nhập, địa bàn rộng, khoảng cách địa lý lớn và yêu cầu phối hợp nghiệp vụ giữa cấp khu vực với cấp tỉnh ngày càng cao. Nếu hồ sơ được số hóa theo chuẩn thống nhất, việc thỉnh thị, kiểm tra, báo cáo, phục vụ xét xử phúc thẩm hoặc trao đổi liên ngành có thể thực hiện nhanh hơn, giảm phụ thuộc vào vận chuyển hồ sơ giấy và tiết kiệm thời gian xử lý.

Ở phạm vi rộng hơn, mô hình này có giá trị tham khảo đối với các Viện kiểm sát cấp khu vực trên toàn quốc vì không đòi hỏi ngay nguồn đầu tư lớn hoặc biên chế chuyên trách. Điểm cốt lõi của mô hình nằm ở tư duy “lấy quy trình bù thiết bị, lấy tổ chức bù nhân lực chuyên trách”. Khi có quy trình 8 bước, trạm số hóa tập trung và Tổ công nghệ thông tin nòng cốt, đơn vị có thể từng bước tạo lập hồ sơ số có khả năng tra cứu, phục vụ nghiệp vụ và kết nối với các nền tảng quản lý án của Ngành.

Tuy nhiên, để mô hình được nhân rộng hiệu quả, cần có hướng dẫn chung ở cấp ngành về cấu trúc hồ sơ số, quy tắc đặt tên file, phân nhóm tài liệu, tiêu chuẩn scan, cơ chế xác thực bản số hóa, chế độ lưu trữ, phân quyền và bảo mật. Đây là điều kiện cần thiết để bảo đảm hồ sơ số giữa các đơn vị có tính tương thích, giảm cách làm tự phát và tạo nền tảng cho liên thông dữ liệu trong tương lai giữa Công an, Viện kiểm sát và Tòa án.

4. Kết luận

Số hóa hồ sơ vụ án hình sự là yêu cầu tất yếu trong tiến trình chuyển đổi số của ngành Kiểm sát nhân dân. Đối với Viện Kiểm sát Nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng, đây không chỉ là giải pháp kỹ thuật nhằm giảm hồ sơ giấy, mà còn là phương thức đổi mới quản lý nghiệp vụ, nâng cao chất lượng nghiên cứu hồ sơ, báo cáo án, chỉ đạo điều hành và thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

Thực tiễn triển khai tại đơn vị cho thấy, dù còn hạn chế về quy chuẩn, hạ tầng, thiết bị, kỹ năng công nghệ và nhân sự chuyên trách, việc số hóa hồ sơ vẫn có thể đạt kết quả tích cực nếu được tổ chức khoa học. Kết quả số hóa 30/35 hồ sơ truy tố trong 3 tháng đầu năm 2026 là minh chứng cho khả năng chuyển đổi từ nhận thức sang hành động, từ làm thử sang làm thường xuyên. 3 giải pháp gồm quy trình 8 bước, trạm số hóa tập trung và Tổ công nghệ thông tin nòng

cốt là những giải pháp thực tiễn, tiết kiệm, phù hợp điều kiện của đơn vị cấp khu vực.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục hoàn thiện quy trình số hóa theo hướng chuẩn hóa toàn ngành, tăng cường đầu tư thiết bị phù hợp, bồi dưỡng kỹ năng số

cho Kiểm sát viên và xây dựng cơ chế bảo mật, xác thực hồ sơ số. Khi được triển khai đồng bộ, số hóa hồ sơ vụ án hình sự sẽ góp phần xây dựng phương thức làm việc hiện đại, minh bạch, an toàn và hiệu quả hơn trong hoạt động kiểm sát ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Chính trị. (2024). Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. (2014). Quyết định số 590/QĐ-VKSTC ngày 5/10/2014 về việc ban hành Quy định lập hồ sơ kiểm sát án hình sự.

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. (2026). Các văn bản, kế hoạch, hướng dẫn về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng. (2026). Sáng kiến “Áp dụng công nghệ thông tin trong việc số hóa hồ sơ vụ án hình sự tại Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Lâm Đồng”.

Ngày nhận bài: 20/4/2026
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 07/5/2026
Ngày chấp nhận đăng bài: 20/5/2026

**APPLICATION OF INFORMATION
TECHNOLOGY IN DIGITIZING CRIMINAL CASE FILES
AT THE PEOPLE’S PROCURACY OF REGION 3 - LAM DONG**

● NGUYEN DINH NGOC KHAI
People’s Procuracy of Region 3 - Lam Dong

ABSTRACT:

This study analyzes the requirements, current situation, and solutions for applying information technology to digitize criminal case files at the People’s Procuracy of Region 3 - Lam Dong. Digitization is not merely scanning documents but involves restructuring procedural data into a searchable, secure, and functional system supporting prosecutorial activities. Initial results show that in the first three months of 2026, the unit digitized 30 out of 35 prosecution files (85.7%), exceeding the sector’s target. The study proposes three groups of solutions: standardizing an eight-step digitization process, establishing centralized digitization stations, and forming a core IT team. These solutions provide practical references for broader implementation.

Keywords: file digitization, criminal cases, procuracy, digital transformation, information technology, Lam Dong.